TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2023
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Mai Thị Ngọc D, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023 và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Mai Thị Ngọc D do có quen biết nhau nên anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2009. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống tương đối hạnh phúc và ở nhà cha mẹ ruột của anh tại ấp N, xã P, huyện Châu Thành. Thời gian sống chung lâu dài, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm

trong cuộc sống và các vấn đề khác. Mặc dù, vợ chồng anh có cố gắng để hàn gắng tình cảm nhưng vợ chồng anh vẫn không thể tiếp tục sống chung hạnh phúc được nên anh và chị D đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Di, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2015; hiện các con đang sống chung cùng với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 03/02/2023 của bị đơn chị Mai Thị Ngọc D trình bày:

Vào năm 2009, chị và anh Nguyễn Văn C có xác lập quan hệ hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm với nhau nên vợ chồng thường cãi nhau và do chồng chị không chung thủy với chị nên vào tháng 4 năm 2019 chị và anh C đã ly thân với nhau cho đến nay. Nay vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Di, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2015. Chị D đồng ý giao các con chung cho anh C nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Theo bản tự khai của 02 người con chung: Nguyễn Ngọc Di, Nguyễn Hữu C cùng đề ngày 06/02/2023 đều cùng trình bày và có cùng có nguyện vọng muốn được sống chung với cha là anh Nguyễn Văn C.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn C và chị Mai Thị Ngọc D vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị D và yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với bị đơn chị Mai Thị Ngọc D có địa chỉ tại ấp N, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn,

tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, có đương sự có nơi cư trú ổn định. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục rút gọn.

Tại phiên Tòa anh C, chị D đều vắng mặt, nhưng đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C, chị D theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

Các vấn đề về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa anh C và chị D đều thống nhất được, không cần phải chứng minh.

- Về hôn nhân: Anh C và chị D cùng tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ủy ban nhân dân xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, anh C và chị D có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau nên dẫn đến vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nên anh C và chị D đã ly thân từ năm khoảng năm 2018 – 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng anh C, chị D không hàn gắn được với nhau. Nay anh C yêu cầu được ly hôn với chị D. Chị D cũng trình bày ý kiến thể hiện chị đồng ý ly hôn với anh C do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh C, chị D đã mức không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh C yêu cầu được ly hôn với chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh C và chị D có tất cả 02 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Di, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2015 hiện đang sống cùng với anh C. Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D cũng thống nhất giao các con cho anh C được nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, các con chung hiện đang sống cùng với cha là anh C và các con được anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển bình thường, được đi học và có nơi cư trú ổn định. Hơn nữa, nguyện vọng của các con chung đều muốn được sống chung cùng với cha là anh C nên phù hợp với yêu cầu của anh C, chị D, phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia

đình nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là Nguyễn Ngọc Di, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2015 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị D đều trình bày không có, không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 320, 321, 322 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

1/ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Mai Thị Ngọc D.

2/ Về con chung: Giao 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Di, sinh ngày 26/5/2013 và Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2015 cho anh Nguyễn Văn C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn C không yêu cầu chị Mai Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Mai Thị Ngọc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Mai Thị Ngọc D đều trình bày không có, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014681 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền chênh lệch còn lại là 150.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Văn Hùng